TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 20/2021/QĐST-DS	*Chơn Thành, ngày 06 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 60/2021/TLST- DS ngày 05 tháng 5 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn:

- Ông Bùi L, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn Tân Thượng, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

- Ông Nguyễn H, sinh năm: 1973, Địa chỉ: Khu phố Ông Đông, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn Tân Thượng, xã Q, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

- Ông Trịnh V, sinh năm 1991; địa chỉ: Xã U, huyện X, tỉnh Thanh Hóa

- Ông Phạm D, sinh năm 1967; địa chỉ: H1, xã A, huyện V, TP Cần Thơ

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi L, ông Nguyễn H, ông Trịnh V, ông Phạm D: Ông Trương H, sinh năm 1960. HKTT: Số 146/2F, đường số 30, P.N, Q. V, TP. Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: A17 –J 4, đường Lê Hoàn, P. H, TP. M, tỉnh Bình Dương

+ Bị đơn:

- Ông Nguyễn C, sinh năm 1987; Địa chỉ HKTT: Xã T, huyện X, tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ liên lạc: Số 0269 Lê Hoàn, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

- Ông Trần N, sinh năm 1990; Địa chỉ HKTT: Thô Quảng Chánh, xã T, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Địa chỉ liên lạc: Số 140 Tô Vĩnh Diện, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

- Ông Lê N, sinh năm 1990; Địa chỉ HKTT: Thôn Túy Loan Tây, xã h, huyện v, Tp Đà Nẵng. Địa chỉ liên lạc: Số 265 Lê Hoàn, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

- Ông Lê T, sinh năm: 1990, địa chỉ: Số 34 phố TM văn phòng nhà ở Phú Lộc An, Gild Town, đường NB 4, khu 2, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn C, ông Lê T, ông Trần N, ông Lê N: Chị Nguyễn Y, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Phạm D và ông Lê N, ông Lê T đồng ý mở lối đi chung là phần đất 297.9m^2 nằm trong trong thửa đất diện tích 1819,9m^2 thuộc thửa đất số 298, tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 117410, số vào sổ CS 01977 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/6/2018 cho ông Lê T, đất tọa lạc tại ấp 4, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước; Phần diện tích đất 364,9m^2 nằm trong trong thửa đất diện tích 1824,1m^2 thuộc thửa đất số 285, tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 117476, số vào sổ CS 01968 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/6/2018 cho ông Lê T, đất tọa lạc tại ấp 4, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước; phần diện tích đất 360,5m^2 nằm trong trong thửa đất diện tích 1801,7m^2 thuộc thửa đất số 579, tờ bản đồ số 3, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 117594, số vào sổ CS 02058 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 03/7/2018 cho ông Lê T, đất tọa lạc tại ấp 4, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước; Phần diện tích đất 360,4m^2 nằm trong trong thửa đất diện tích 1800m^2 thuộc thửa đất số 597, tờ bản đồ số 3, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 117513, số vào sổ CS 02043 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 02/7/2018 cho ông Lê T, đất tọa lạc tại ấp 4, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước; Phần diện tích đất 360,1m^2 nằm trong trong thửa đất diện tích 1799,3m^2 thuộc thửa đất số 616, tờ bản đồ số 3, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 117575, số vào sổ CS 01946 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 27/6/2018 cho ông Lê T, đất tọa lạc tại ấp 4, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước; Phần diện tích đất 359,8m^2 nằm trong trong thửa đất diện tích 1800,1m^2 thuộc thửa đất số 635, tờ bản đồ số 3, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 117050, số vào sổ CS 01965 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 28/6/2018 cho ông Lê T, đất tọa lạc tại ấp 4, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước; Phần diện tích đất 571,9m^2 nằm trong trong thửa đất diện tích 2857,5m^2 thuộc thửa đất số 659, tờ bản đồ số 3, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 117038, số vào sổ CS 02092 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 05/7/2018 cho ông Lê T, đất tọa lạc tại ấp 4, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước.

- Ông Trịnh V và ông Trần N, ông Lê T đồng ý mở lối đi chung là phần diện tích đất 2000,2m^2 nằm trong trong thửa đất diện tích 7996.6m^2 thuộc thửa đất số 703, tờ bản đồ số 3, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 117271, số vào sổ CS 01883 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 14/6/2018 cho ông Dương Cẩm Đà, thay đổi cơ sở pháp lý cho ông Lê T theo hồ sơ số 25450.CN.114364 ngày 20/8/2012 đất tọa lạc tại ấp 4, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước. Lối đi chung được mở có hình thể, tứ cận, chiều dài, chiều rộng theo trích đo địa chính ngày 02/8/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Chơn Thành

- Ông Trịnh V và ông Trần N, ông Lê T đồng ý mở lối đi chung là phần diện tích đất 1942,1 m^2 nằm trong trong thửa đất diện tích 7971,5m^2 thuộc thửa đất số 693, tờ bản đồ số 3, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 117085, số vào sổ CS 01903 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 14/6/2018 cho ông Dương Cẩm Đà, thay đổi cơ sở pháp lý cho ông Lê T theo hồ sơ số 25450.CN.114361 ngày 20/8/2012 đất tọa lạc tại ấp 4, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước. Lối đi chung được mở có hình thể, tứ cận, chiều dài, chiều rộng theo trích đo địa chính ngày 02/8/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Chơn Thành

- Ông Trịnh V và ông Nguyễn C, ông Lê T đồng ý mở lối đi chung là phần diện tích đất 2000,2m^2 nằm trong trong thửa đất diện tích 8020,4m^2 thuộc thửa đất số 709, tờ bản đồ số 3, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 117265, số vào sổ CS 01889 do Sở tài

nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 14/6/2018 cho ông Dương Đ, thay đổi cơ sở pháp lý cho ông Lê T theo hồ sơ số 25450.CN.114363 ngày 20/8/2018 đất tọa lạc tại ấp 4, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước.

- Ông Bùi L, ông Nguyễn H và ông Nguyễn C, ông Lê T đồng ý mở lối đi chung là phần diện tích đất 1989,9m^2 nằm trong trong thửa đất diện tích 7962,6m^2 thuộc thửa đất số 687, tờ bản đồ số 3, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 117079, số vào sổ CS 01897 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Phước cấp ngày 14/6/2018 cho ông Dương Đ, thay đổi cơ sở pháp lý cho ông Lê T theo hồ sơ số 25450.CN.114361 ngày 20/8/2018 đất tọa lạc tại ấp 4, xã N, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Các lối đi chung được mở có hình thể, tứ cận, chiều dài, chiều rộng theo các trích đo địa chính ngày 02/8/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Chơn Thành và sơ đồ điều chỉnh giảm diện tích đối với lối đi tại thửa 298, thửa 693 ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành

Các đương sự cam kết các lối đi được mở như trên là lối chung theo quy định tại Bộ luật dân sự 2015. Các đương sự cam kết không được tự ý mở đường và phân lô bán nền khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép

2.2 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền (59.580.000 đồng + 72.980.000 đồng + 72.100.000 đồng + 72.080.000 đồng + 72.020.000 đồng + 71.960.000 đồng +114.380.000 đồng) = 535.380.000 đồng là 12.702.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002745 ngày 22/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành. Ông D phải nộp tiếp số tiền án phí là 12.402.000 đồng

Ông Trịnh V phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền (400.000.000 đồng +388.420.000 đồng +400.040.000 đồng) = 1.188.460.000 đồng là 23.826.900 đồng được trừ vào các khoản nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002747 ngày 17/3/2021; 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002748 ngày 17/3/2021; 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002749 ngày 17/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành. Ông V phải nộp tiếp số tiền án phí là 22.962.900 đồng

Ông Bùi L, ông Nguyễn H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 397.980.000 đồng là 9.949.500 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002746 ngày 17/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành. Ông L, ông H phải nộp tiếp số tiền án phí là 9.649.500 đồng

(Mức án phí được tính trên cơ sở biên bản thỏa thuận giá ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Ung Thị Ngọc Thanh

-